| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 275/2021/DS–ST
Ngày: 30/12/2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Trần Thị Mai Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/1996/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 1996, về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SG CT; trụ sở: Số 2C đường Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mộng T; địa chỉ: Số 2C đường Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số: 105/GUQ-SGB ngày 12/4/2021). (Có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Vũ Xuân A; Sinh năm: 1954; Nơi cư trú cuối cùng: Số 790/80 đường Nguyễn Kiệm, phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Tống Hồ Thu C, sinh năm 1958; Nơi cư trú cuối cùng: Số 790/80 đường Nguyễn Kiệm, phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG CT trình bày:*

Ngày 31/12/1994, ông Vũ Xuân A có ký với Ngân hàng TMCP SG CT (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) Đơn xin vay kiêm khế ước (bao gồm Giấy cam kết thế

chấp nhà) với số tiền vay là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, lãi suất: 2.1%/tháng, ngày đáo hạn thanh toán là: 30/01/1995.

Qua nhiều lần cam kết thanh toán nhưng đến nay ông Vũ Xuân A chỉ trả được:

+ Gốc: 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

+ Lãi: 72.160.000 (Bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên: Ông Vũ Xuân A cam kết thế chấp 03 (ba) căn nhà tại địa chỉ: Số 790/78, 790/80, 790/82 đường Nguyễn Kiệm, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở thông qua các thông báo nợ quá hạn, thư mời làm việc và biên bản làm việc để yêu cầu ông Vũ Xuân A thực hiện đúng các cam kết nhưng ông Vũ Xuân A không có thiện chí trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 21/6/1996, Ngân hàng khởi kiện ông Vũ Xuân A ra Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Vũ Xuân A thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Cụ thể:

+ Nợ gốc: 268.000.000 (Hai trăm sáu mươi tám triệu) đồng.

+ Nợ lãi: Lãi phát sinh tính đến ngày thực tế trả hết nợ, tạm tính đến ngày 31/12/1996 là 133.648.400 (Một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn bốn trăm) đồng.

Ngày 15/7/2019, nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 03 (ba) căn nhà tại địa chỉ: Số 790/78, 790/80, 790/82 đường Nguyễn Kiệm, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Xuân A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 268.000.000 (Hai trăm sáu mươi tám triệu) đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại các biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải ngày 22 tháng 6 năm 1996, ngày 05 tháng 8 năm 1996, bị đơn ông Vũ Xuân A trình bày: Tháng 12 năm 1994, ông Acó vay của Ngân hàng SG CT số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng như nguyên đơn trình bày. Ông Ađã trả được hai lần tiền như sau: Lần 1 ngày 21/6/1995 trả số tiền 32.000.000 đồng và lần 2 trả số tiền là 50.000.000 đồng. Sau đó, do tình hình kinh doanh gặp khó khăn nên ông Axin được giảm lãi và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 9 năm 1996, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tống Hồ Thu C trình bày: Việc ông Vũ Xuân A vay tiền của Ngân hàng bà hoàn toàn không biết, đến khi Ngân hàng đến nhà đòi tiền thì bà mới biết ông Acó vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 2.1%/tháng từ tháng 12/1994 và thế chấp 03 căn nhà như trên. Tháng 7/1996, Ngân hàng đề nghị mua 03 căn nhà trên, bà C  đồng ý bán với giá 160 lượng vàng 9999 nhưng Ngân hàng không đồng ý. Do tình hình kinh tế khó khăn nên bà xin Ngân hàng cho trả dần 5.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu: Buộc ông Vũ Xuân A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 268.000.000 (Hai trăm sáu mươi tám triệu) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 1.567.654.446 (Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2021 là: 1.835.654.446 (Một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, yêu cầu ông Vũ Xuân A phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông A thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận.

Bị đơn ông Vũ Xuân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tống Hồ Thu C vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các qui định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 15/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phát mãi tài sản thế chấp. Xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toán tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG CT, án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngày 09 tháng 7 năm 1996, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án dân sự thụ lý số 103/1996/TLST-DS về việc "Đòi nợ". Nhận thấy, ngày 31/12/1994 bị đơn ông Vũ Xuân A có ký Đơn xin vay kiêm khế ước với nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG CT. Nay, nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ông Vũ Xuân A về việc yêu cầu ông Vũ Xuân A phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn thiếu cho Ngân hàng nên đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2]. Về tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã xác minh bị đơn ông Vũ Xuân A đã bị Công AThành phố Hải Phòng bắt giữ. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã nhiều lần gửi xác minh, yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công AThành phố Hải Phòng cung cấp thông tin về ông Vũ Xuân A nhưng vẫn không có kết quả. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tống Hồ Thu C (vợ của ông Vũ Xuân A) đã bán nhà tại địa chỉ 790/80 đường Nguyễn Kiệm (nay là số 42 đường Hạnh Thông), Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ khác của bị đơn ông Vũ Xuân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tống Hồ Thu C nhưng nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ cư trú nào khác của ông Vũ Xuân A và bà Tống Hồ Thu C. Do đó, xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tại địa chỉ 790/80 đường Nguyễn Kiệm (nay là số 42 đường Hạnh Thông), Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng đối với ông Vũ Xuân A và bà Tống Hồ Thu C theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Vũ Xuân A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tống Hồ Thu C đã được Tòa án thông báo thời gian, địa điểm tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông An, bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Căn cứ vào Đơn xin vay kiêm khế ước (bao gồm Giấy cam kết thế chấp nhà) ngày 31/12/1994 thì xác định ông Vũ Xuân A có vay Ngân hàng TMCP SG CT với số tiền vay là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, lãi suất: 2.1%/tháng, ngày đáo hạn thanh toán là: 30/01/1995 như nguyên đơn trình bày. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bị đơn thế chấp bằng các tài sản gồm 03 (ba) căn nhà tại địa chỉ: Số 790/78, 790/80, 790/82 đường Nguyễn Kiệm, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/7/2019 và tại phiên toà, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Xuân A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 268.000.000 (Hai trăm sáu mươi tám triệu) đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thoả thuận tại Đơn xin vay kiêm khế ước. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Căn cứ vào các biên bản lấy lời khai và trình bày của Ngân hàng thì ông Vũ Xuân A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền như sau: Nợ gốc là 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng, nợ lãi là 72.160.000 (Bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi ngàn)

đồng. Sau đó, ông Ađã vi phạm nghĩa vụ thanh toán không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào khác. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở để yêu cầu ông Vũ Xuân A thực hiện đúng các cam kết nhưng ông Vũ Xuân A không có thiện chí trong việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại các biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Vũ Xuân A xác nhận có vay của Ngân hàng SG CT số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng như nguyên đơn trình bày. Ông Ađã trả được hai lần tiền tổng cộng số tiền là 72.000.000 đồng. Sau đó, do tình hình kinh doanh gặp khó khăn nên ông Axin được giảm lãi và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/1996, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tống Hồ Thu C không có ý kiến gì đối với khoản vay của ông Vũ Xuân A chỉ xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Xét thấy, ông Vũ Xuân A xác nhận có vay tiền và đã trả được các khoản tiền như Ngân hàng trình bày, nhưng sau đó ông Akhông thanh toán tiền cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Aphải trả số tiền trên là có căn cứ. Mặt khác, xét về trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Vũ Xuân A có trách nhiệm trả nợ, đồng thời Ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc ông Vũ Xuân A phải có trách nhiệm trả số tiền tính đến ngày 30/12/2021 là: 1.835.654.446 (Một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là: 268.000.000 (Hai trăm sáu mươi tám triệu) đồng và lãi là: 1.567.654.446 (Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và ông Vũ Xuân A còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận theo Đơn xin vay kiêm khế ước ngày 31/12/1994 cho đến ngày ông Athanh toán hết số nợ vay.

Về chi phí của thủ tục đăng thông báo các văn bản tố tụng của Tóa án trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Vũ Xuân A và bà Tống Hồ Thu C: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG CT tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

*[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP SG CT được chấp nhận nên ông Vũ Xuân A phải chịu tiền án phí là 67.069.633 (Sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP SG CT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.520.000 (Năm triệu năm trăm hai mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án

phí số 226/PT/THA quyển số 15 ngày 21/6/1996 của Đội thi hành án dân sự (nay là Chi cục Thi hành án dân sự) quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG CT:

Buộc ông Vũ Xuân A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP SG CT số tiền tính đến ngày 30/12/2021 là: 1.835.654.446 (Một tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là: 268.000.000 (Hai trăm sáu mươi tám triệu) đồng và lãi là: 1.567.654.446 (Một tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng. Trả một lần ngay khi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 31/12/2021 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SG CT, ông Vũ Xuân A còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận theo Đơn xin vay kiêm khế ước ngày 31/12/1994 cho đến ngày thi hành án xong.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 03 (ba) căn nhà tại địa chỉ: Số 790/78, 790/80, 790/82 đường Nguyễn Kiệm, Phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG CT tự nguyện chịu chi phí đăng thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Vũ Xuân A và bà Tống Hồ Thu C.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Xuân A phải chịu tiền án phí là 67.069.633 (Sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi ba) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP SG CT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.520.000 (Năm triệu năm trăm hai mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 226/PT/THA quyển số 15 ngày 21/6/1996 của Đội thi hành án dân sự (nay là Chi cục thi hành án dân sự) quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**4.** Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Mộng Tuyền**